

Số: 2286/QĐ-UBND

An Giang, ngày 29 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong
lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước
trên địa bàn tỉnh An Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh An Giang tại Tờ trình số 114/TTr-STP ngày 28 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và sửa đổi, bổ sung các Quyết định sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Mục XXXVIII. Lĩnh vực hộ tịch tại Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh An Giang;

2. Sửa đổi, bổ sung Mục XXIII. Lĩnh vực hộ tịch tại Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố

danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý áp dụng tại cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. Sửa đổi, bổ sung thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch tại số thứ tự thứ 9, Mục III, Phần XVII Sở Tư pháp Phụ lục I - Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Website Chính phủ;
- Cục kiểm soát TTHC – Văn phòng Chính phủ;
- Cục công tác phía Nam – Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Website tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND cấp huyện;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC HỘ TỊCH
THỰC HIỆN TẠI CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH TRONG NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2286 /QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I. Thủ tục hành chính thực hiện tại cấp huyện					
1	2.000528.000.00.00.H01	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	<p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ</p>	Hộ tịch	UBND cấp huyện
2	2.000806.000.00.00.H01	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài		Hộ tịch	UBND cấp huyện
3	1.001766.000.00.00.H01	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài		Hộ tịch	UBND cấp huyện
4	2.000779.000.00.00.H01	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài		Hộ tịch	UBND cấp huyện

5	1.001695.000.00.00.H01	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang; - Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang. - Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bãi bỏ quy định thu phí về cấp bản sao trích lục hộ tịch tại Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang. - Quyết định số 32/2020/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh bãi bỏ quy định thu phí về cấp bản sao trích lục hộ tịch tại Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.	Hộ tịch	UBND cấp huyện
6	1.001669.000.00.00.H01	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài		Hộ tịch	UBND cấp huyện
7	2.000756.000.00.00.H01	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài		Hộ tịch	UBND cấp huyện
8	2.000748.000.00.00.H01	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc		Hộ tịch	UBND cấp huyện
9	2.002189.000.00.00.H01	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		Hộ tịch	UBND cấp huyện
10	2.000554.000.00.00.H01	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		Hộ tịch	UBND cấp huyện
11	2.000547.000.00.00.H01	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được		Hộ tịch	UBND cấp

		giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)		tịch	huyện
12	2.000522.000.00.00.H01	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài		Hộ tịch	UBND cấp huyện
13	1.000893.000.00.00.H01	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân		Hộ tịch	UBND cấp huyện
14	2.000513.000.00.00.H01	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài		Hộ tịch	UBND cấp huyện
15	2.000497.000.00.00.H01	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài		Hộ tịch	UBND cấp huyện
II. Thủ tục hành chính thực hiện tại cấp xã					
1	1.001193.000.00.00.H01	Đăng ký khai sinh	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số	Hộ tịch	UBND cấp xã
2	1.000894.000.00.00.H01	Đăng ký kết hôn		Hộ tịch	UBND

			123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.	tịch	cấp xã
3	1.001022.000.00.00.H01	Đăng ký nhận cha, mẹ, con		Hộ tịch	UBND cấp xã
4	1.000689.000.00.00.H01	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	Hộ tịch	UBND cấp xã
5	1.000656.000.00.00.H01	Đăng ký khai tử	- Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang;	Hộ tịch	UBND cấp xã
6	1.003583.000.00.00.H01	Đăng ký khai sinh lưu động	- Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.	Hộ tịch	UBND cấp xã
7	1.000593.000.00.00.H01	Đăng ký kết hôn lưu động	- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bãi bỏ quy định thu phí về cấp bản sao trích lục hộ tịch tại Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.	Hộ tịch	UBND cấp xã
8	1.000419.000.00.00.H01	Đăng ký khai tử lưu động		Hộ tịch	UBND cấp xã
9	1.000110.000.00.00.H01	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới		Hộ tịch	UBND cấp xã
10	1.000094.000.00.00.H01	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới		Hộ tịch	UBND cấp xã
11	1.000080.000.00.00.H01	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	- Quyết định số 32/2020/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh bãi bỏ quy	Hộ tịch	UBND cấp xã

12	1.004827.000.00.00.H01	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	định thu phí về cấp bản sao trích lục hộ tịch tại Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang.	Hộ tịch	UBND cấp xã
13	1.004837.000.00.00.H01	Đăng ký giám hộ		Hộ tịch	UBND cấp xã
14	1.004845.000.00.00.H01	Đăng ký chấm dứt giám hộ		Hộ tịch	UBND cấp xã
15	1.004859.000.00.00.H01	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch		Hộ tịch	UBND cấp xã
16	1.004873.000.00.00.H01	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân		Hộ tịch	UBND cấp xã
17	1.004884.000.00.00.H01	Đăng ký lại khai sinh		Hộ tịch	UBND cấp xã
18	1.004772.000.00.00.H01	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân		Hộ tịch	UBND cấp xã
19	1.004746.000.00.00.H01	Đăng ký lại kết hôn		Hộ tịch	UBND cấp xã
20	1.005461.000.00.00.H01	Đăng ký lại khai tử		Hộ tịch	UBND cấp xã

III. Thủ tục hành chính thực hiện tại cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch (CSDLHT)					
1	2.000635.000.00.00.H01	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	<p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</p>	Hộ tịch	Sở Tư pháp; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.